

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Thị Ánh Tiên^{1*}, Phạm Thị Mỹ Thuận¹

¹ Phân hiệu Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tại Quảng Ngãi

* Tác giả liên hệ: Email: duongthianhtien@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/06/2023

Ngày chấp nhận: 21/12/2023

Ngày đăng: 25/06/2024

DOI: 10.52932/jfm.vi4.399

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Thang đo các biến trong mô hình nghiên cứu

Yếu tố	Ký hiệu	Thang đo	Các nghiên cứu liên quan
Môi trường học tập	MTHT1	Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	Huitt (2001); Đỗ Hữu Tài và cộng sự (2016); Cao Thị Cẩm Vân và cộng sự (2020)
	MTHT2	Giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và phương pháp giảng dạy hay	
	MTHT3	Giảng viên nhiệt tình, trách nhiệm giúp tôi có thêm động lực học tập	
	MTHT4	Ngành học mà tôi chọn phù hợp với nguyện vọng cá nhân và xu thế xã hội	
Gia đình và bạn bè	GDBB1	Định hướng nghề nghiệp của gia đình	Rahman và cộng sự (2017); Boekaerts (2010)
	GDBB2	Sự quan tâm chăm sóc của gia đình	
	GDBB3	Truyền thống hiếu học từ gia đình dòng họ	
	GDBB4	Sự động viên giúp đỡ của bạn bè	
Sự phát triển xã hội	PTXH1	Sự đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc	Zen và cộng sự (2022); Tan and Rajah (2019); Hoàng Văn Luân (2017)
	PTXH2	Đòi hỏi của xã hội về nguồn lao động có chất lượng và cạnh tranh	
	PTXH3	Thu nhập cao giúp tôi có thêm động lực học tập	
	PTXH4	Xu hướng phát triển ngành nghề	
Nhận thức bản thân	NTBT1	Ý thức tự giác học tập	Huitt (2001); Nguyễn Bá Châu (2018)
	NTBT2	Ý thức tự khẳng định năng lực bản thân	
	NTBT3	Sự công bằng xã hội và phát triển năng lực	
	NTBT4	Cơ hội việc làm tốt	
Ý chí, nghị lực bản thân	YCNL1	Đặt mục tiêu phấn đấu cho từng giai đoạn	Van den Branden (2015); Đỗ Hữu Tài và cộng sự (2016)
	YCNL2	Đủ tự tin để giải quyết vấn đề gặp phải	
	YCNL3	Có thể vượt qua trong mọi khó khăn trở ngại	
	YCNL4	Khả năng kiểm soát bản thân trong mọi tình huống	
Quan điểm sống	QDS1	Sống là biết cống hiến, không phải hưởng thụ	Đỗ Hữu Tài và cộng sự (2016); Kurniawan và cộng sự (2019); Nguyễn
	QDS2	Tinh thần sống lạc quan	
	QDS3	Tin tưởng vào năng lực chính mình	

Yếu tố	Ký hiệu	Thang đo	Các nghiên cứu liên quan
	QDS4	Tài năng và siêng năng là yếu tố quan trọng để thành công	Thanh Tùng và Hoàng Thị Doan (2021)
Động lực học tập	DLHT1	Đề thỏa mãn niềm đam mê đã chọn	Huitt (2001); Nguyễn Thanh Tùng và Hoàng Thị Doan (2021)
	DLHT2	Hoàn thiện bản thân	
	DLHT3	Thực hiện ước mơ	
	DLHT4	Được mọi người ngưỡng mộ và khen ngợi	

Phụ lục 2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Thông tin nhân khẩu học	Tần suất	Tỷ lệ	
Giới tính	Nam	118	28,99%
	Nữ	289	71,01%
Độ tuổi	18-20	107	26,29%
	21-22	202	49,63%
	>22	98	24,08%
Niên khóa	Năm nhất	0	0%
	Năm hai	115	28,26%
	Năm ba	174	42,75%
	Khác	118	28,99%
Khối ngành học	Khối kỹ thuật công nghệ	192	47,17%
	Khối ngành Ngoại ngữ	98	24,08%
	Khối Kinh tế	117	28,75%

Phụ lục 3. Thang đo hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Yếu tố	Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha	Trung bình
Môi trường học tập	Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	MT1	0,831	0,898	3,22
	Giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và phương pháp giảng dạy hay	MT2	0,803		
	Giảng viên nhiệt tình, trách nhiệm giúp tôi có thêm động lực học tập	MT3	0,767		

Yếu tố	Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha	Trung bình
	Ngành học mà tôi chọn phù hợp với nguyện vọng cá nhân và xu thế xã hội	MT4	0,704		
Gia đình và bạn bè	Định hướng nghề nghiệp của gia đình	GDBB1	0,518	0,807	3,48
	Sự quan tâm chăm sóc của gia đình	GDBB2	0,667		
	Truyền thống hiếu học từ gia đình dòng họ	GDBB3	0,678		
	Sự động viên giúp đỡ của bạn bè	GDBB4	0,636		
Sự phát triển xã hội	Sự đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc	PTXH1	0,473	0,79	4,07
	Đòi hỏi của xã hội về nguồn lao động có chất lượng và cạnh tranh	PTXH2	0,604		
	Thu nhập cao giúp tôi có thêm động lực học tập	PTXH3	0,621		
	Xu hướng phát triển ngành nghề	PTXH4	0,658		
Nhận thức bản thân	Ý thức tự giác học tập	NTBT1	0,677	0,877	4,25
	Ý thức tự khẳng định năng lực bản thân	NTBT2	0,799		
	Sự công bằng xã hội và phát triển năng lực	NTBT3	0,726		
	Cơ hội việc làm tốt	NTBT4	0,751		
Ý chí, nghị lực bản thân	Đặt mục tiêu phấn đấu cho từng giai đoạn	YCNL1	0,694	0,883	3,55
	Đủ tự tin để giải quyết vấn đề gặp phải	YCNL2	0,790		
	Có thể vượt qua trong mọi khó khăn trở ngại	YCNL3	0,735		
	Khả năng kiểm soát bản thân trong mọi tình huống	YCNL4	0,755		
Quan điểm sống	Sống là biết cống hiến, không phải hưởng thụ	QDS1	0,763	0,908	4,03
	Tinh thần sống lạc quan	QDS2	0,807		
	Tin tưởng vào năng lực chính mình	QDS3	0,824		
	Tài năng và siêng năng là yếu tố quan trọng để thành công	QDS4	0,783		

Yếu tố	Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha	Trung bình
Động lực học tập	Tôi dành rất nhiều thời gian cho việc học ở trường	DLHT1	0,735	0,900	3,26
	Đầu tư vào việc học là ưu tiên số 1	DLHT2	0,749		
	Tôi học hết mình trong khóa học này	DLHT	0,798		
	Động lực học tập của tôi là rất cao	DLHT	0,826		

Phụ lục 4. Kết quả phân tích nhân tố EFA chi tiết của các thành phần

Thành phần	Ký hiệu biến quan sát	1	2	3	4	5	6
Quan điểm sống	QDS4	0,778					
	QDS3	0,751					
	QDS1	0,627					
	QDS2	0,684					
Môi trường học tập	MT1		0,846				
	MT2		0,831				
	MT4		0,752				
	MT3		0,732				
Ý chí, nghị lực bản thân	YCNL1			0,793			
	YCNL2			0,891			
	YCNL3			0,762			
	YCNL4			0,741			
Sự phát triển xã hội	PTXH3				0,845		
	PTXH2				0,812		
	PTXH4				0,784		
	PTXH1				0,641		
Nhận thức bản thân	NTBT3					0,823	
	NTBT2					0,784	
	NTBT4					0,756	
	NTBT1					0,641	
Gia đình và bạn bè	GDBB4						0,805
	GDBB3						0,812
	GDBB2						0,716
	GDBB1						0,745

Phụ lục 5. Phân tích tương quan giữa các biến

Yếu tố	DLHT	MTHT	GDBB	PTXH	NTBT	YCNL	QDS	VIF
DLHT	1							
MTHT	0,524**	1						1,789
GDBB	0,567**	0,617**	1					1,863
PTXH	0,287*	0,228**	0,204**	1				1,194
NTBT	0,364**	0,294**	0,316**	0,308**	1			2,025
YCNL	0,598**	0,476**	0,515**	0,184**	0,443**	1		1,457
QDS	0,504**	0,492**	0,543**	0,263**	0,517**	0,613**	1	2,226

Ghi chú: ký hiệu * và ** lần lượt là mức ý nghĩa thống kê 5% và 10%.

Bảng 5 phân tích ANOVA cho thấy đại lượng thống kê $F = 77,453$ tính từ R^2 có giá trị Sig rất nhỏ (Sig. = 0,000); Điều này chứng tỏ mô hình hồi quy xây dựng phù hợp với tập dữ liệu thu thập có độ tin cậy 99% (Sig.< 0,01) nên các biến độc lập trong mô hình có mối tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc Động lực học tập.